

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 15/2026/HS-ST
Ngày 18-4-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Thẩm phán: Ông Chu Long Kiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thơm

Bà Vi Thị Thùy

Bà Nguyễn Minh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2026/TLST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/HSST-QĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 08/TAND-THS ngày 04 tháng 5 năm 2026, đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn L, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1996 tại tỉnh Hưng Yên. Căn cước công dân số: 033096001***. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Khuyết Thị H (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2014/HSST ngày 06/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 01 năm tù về tội Cướp giật tài sản, tổng hợp hình phạt là 04 năm tù; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 17-01-2025, tạm giữ từ ngày 20-01-2025, tạm giam từ ngày 24-01-2025 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nông Văn K, Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 036191002***; trú tại: Đường P, phường H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.
2. Bà Phùng Thị Thanh L, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 001183015***; trú tại: Tổ dân phố C, phường Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Bá D, sinh năm 1990; căn cước công dân số: 001090026***; trú tại: Đường V, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.
4. Bà Phan Thị H, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 066198018***; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã Ea, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở: Đường B, phường Đ, tỉnh Đà Nẵng; vắng mặt.
5. Bà Trần Thị M, sinh năm 1986; căn cước công dân số: 019186013***; trú tại: Xóm G, xã V, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.
6. Bà Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 002292007***; nơi đăng ký thường trú: Phố H, phường H, Thành phố Hà Nội. Chỗ ở: A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.
7. Ông Lê Việt H, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 020087000***; trú tại: Thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
8. Ông Lê Trung H, sinh năm 1993; căn cước công dân số: 014093004***; trú tại: Thôn N, xã C, tỉnh Sơn La; vắng mặt.
9. Ông Bùi Quang D, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 036083026217; trú tại: Thôn 37, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.
10. Bà Lý Thị Huyền N, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 012189000***; trú tại: Phường Đ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.
11. Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1994; căn cước công dân số: 001174002***; trú tại: Thôn P, xã P, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.
12. Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 026087000***; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố M, phường V, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở: Số nhà B, khu đô thị V, phường V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.
13. Ông Trần Văn K, sinh năm 1996; căn cước công dân số: 042096012***; nơi đăng ký thường trú: Thôn X, xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Chỗ ở: C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.
14. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1995; căn cước công dân số: 033095003***; trú tại: Đường T, phường P, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9-2023, Nguyễn Văn L, do cần tiền tiêu sài cá nhân đã nảy

sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn lừa bán thuốc, thực phẩm chức năng trên không gian mạng.

Để thực hiện hành vi lừa đảo Nguyễn Văn L đặt mua các sim điện thoại không chính chủ trên mạng xã hội với những người không quen biết. Sau khi mua được sim rác Nguyễn Văn L sử dụng để lập nhiều tài khoản khác nhau trên các mạng xã hội Zalo, Facebook và tham gia vào các hội, nhóm mua bán thuốc, thực phẩm chức năng để tìm người có nhu cầu mua. Khi tìm được người mua, Nguyễn Văn L tiếp cận nhắn tin, làm quen, chào hàng theo đúng sản phẩm người mua cần và khi họ đồng ý mua theo giá thỏa thuận, hẹn thời gian, địa điểm giao hàng thì Nguyễn Văn L tìm trên mạng bên bán có nguồn hàng thật, đều là các loại thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng được cơ quan chức năng cấp phép, lưu hành, đặt mua đúng số lượng và hẹn giao hàng đến đúng địa chỉ, thời gian như đã thỏa thuận với người mua. Quá trình thỏa thuận, Nguyễn Văn L yêu cầu người mua sau khi kiểm tra hàng phải chuyển tiền đến tài khoản do Nguyễn Văn L cung cấp thì mới nhận được hàng và khi nhân viên giao hàng đến, người mua kiểm tra xác nhận đúng số lượng, chủng loại, Nguyễn Văn L yêu cầu người mua chuyển tiền đến các tài khoản ngân hàng do Nguyễn Văn L quản lý sử dụng đăng ký trực tuyến bằng các sim rác. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Văn L chặn liên lạc với người mua, bên bán, người giao hàng và xóa tài khoản Zalo, Facebook đã dùng.

Với phương thức, thủ đoạn phạm tội như nêu trên, qua đơn tố giác của các bị hại, quá trình điều tra, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đã làm rõ được từ tháng 9-2023 đến tháng 5-2024, Nguyễn Văn L đã lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 665.971.540 đồng của 14 bị hại ở các tỉnh, thành trên cả nước, cụ thể:

1. Bị hại Nguyễn Thị P:

Ngày 04-9-2023, Nguyễn Thị P thỏa thuận mua thuốc Cerebrolysin là thuốc bổ não dạng tiêm, truyền với Nguyễn Văn L qua ứng dụng Messenger (Nguyễn Văn L đã xóa tài khoản). Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 05-9-2023, Nguyễn Thị P sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 3030329*** chuyển 15.150.000 đồng đến tài khoản 1040563*** ngân hàng Vietcombank mang tên QUANG THI C do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Nguyễn Thị P, xóa tài khoản Messenger đã sử dụng.

2. Bị hại Phùng Thị Thanh L:

Ngày 11-9-2023, Phùng Thị Thanh L thỏa thuận mua thuốc Albutein 20% là thuốc điều trị thận hư, xơ gan, suy gan cấp; Human Albulmin Baxter là thuốc truyền máu dùng để phục hồi và duy trì thể tích, tuần hoàn máu; Albunorim 20% là dung dịch truyền tĩnh mạch chứa Albumin người, được dùng trong điều trị bỏng, chấn thương, phẫu thuật với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo “Hoàng H”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 12-9-2023, Phùng Thị Thanh L sử dụng tài khoản 19037009146*** ngân hàng Techcombank chuyển 30.000.000 đồng đến tài

khoản 19071301237**** ngân hàng Techcombank mang tên DO MINH K do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Phùng Thị Thanh L, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

3. Bị hại Nguyễn Bá D:

Khoảng tháng 10-2023, Nguyễn Bá D thỏa thuận mua thuốc LEVODHG 500mg là thuốc kháng sinh dùng để điều trị các nhiễm khuẩn do vi khuẩn và KLAMENTIN là thuốc kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo “Đỗ Minh K”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 07-10-2023, Nguyễn Bá D sử dụng tài khoản 19035739918**** ngân hàng Techcombank chuyển 16.450.000 đồng đến tài khoản 19071301237**** ngân hàng Techcombank mang tên DO MINH K do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Nguyễn Bá D, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

4. Bị hại Phan Thị H:

Khoảng tháng 10-2023, Phan Thị H thỏa thuận mua Vaspicar MR là thuốc điều trị bệnh tim mạch với Nguyễn Văn L qua ứng dụng Facebook (Nguyễn Văn L đã xóa tài khoản). Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, Phan Thị H nhờ người quen là Lê Hồng P, sinh năm 1994, trú tại K T, phường C, thành phố Đà Nẵng sử dụng tài khoản 0962604**** ngân hàng OCB chuyển 41.041.540 đồng đến tài khoản 1040563**** mang tên QUANG THI C ngân hàng Vietcombank do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Phan Thị H, xóa tài khoản Facebook đã sử dụng.

5. Bị hại Trần Thị M:

Khoảng tháng 12-2023, Trần Thị M thỏa thuận mua kem bôi da Thuận Mộc với Nguyễn Văn L qua Facebook và Zalo (Nguyễn Văn L đã xóa tài khoản). Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 15-12-2023, Trần Thị M sử dụng tài khoản 8505215028**** ngân hàng Agribank chuyển 33.750.000 đồng đến tài khoản 19071301237**** ngân hàng Techcombank mang tên DO MINH K do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Trần Thị M, xóa tài khoản Facebook, Zalo đã sử dụng.

6. Bị hại Hoàng Thị Thanh H:

Khoảng tháng 12-2023, Hoàng Thị Thanh H lên mạng thỏa thuận mua thực phẩm chức năng và thuốc chống say xe (Hoàng Thị Thanh H không nhớ tên sản phẩm) với Nguyễn Văn L qua tài khoản Facebook (Hoàng Thị Thanh H, Nguyễn Văn L không nhớ tên tài khoản). Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 26-12-2023 Hoàng Thị Thanh H sử dụng tài khoản 7999668****, ngân hàng ACB chuyển 43.800.000 đồng đến tài khoản 19072148938****, ngân hàng Techcombank

mang tên LE THANH D do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Hoàng Thị Thanh H, xóa tài khoản Facebook đã sử dụng.

7. Bị hại Lê Việt H:

Ngày 30-12-2023, Lê Việt H thỏa thuận mua 72 hộp thực phẩm chức năng chống say xe của Hàn Quốc với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo “Quang Đạt”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao nhận hàng, Lê Việt H sử dụng tài khoản 6855688****, ngân hàng Techcombank chuyển 29.860.000 đồng và tài khoản 160509****, ngân hàng VPBank chuyển 20.000 đồng đến tài khoản 19072148938****, ngân hàng Techcombank mang tên LE THANH D do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Lê Việt H, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

8. Bị hại Lê Trung H:

Khoảng tháng 01-2024, Lê Trung H thỏa thuận mua thuốc Albumin là dung dịch protein huyết tương người dùng để điều trị sốc do mất máu, bồng, suy gan, suy thận với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo (Nguyễn Văn L đã xóa tài khoản). Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, Lê Trung H sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank số 30515**** chuyển 17.000.000 đồng đến tài khoản 19072148938****, ngân hàng Techcombank mang tên LE THANH D do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc, xóa tài khoản Facebook đã sử dụng.

9. Bị hại Bùi Quang D:

Khoảng tháng 01-2024, Bùi Quang D thỏa thuận mua thuốc chống say tàu xe dạng nước của Công ty “DS” Hàn Quốc với Nguyễn Văn L qua tài khoản Facebook và Zalo đều có tên “Lê Đ”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 26-01-2024, Bùi Quang D sử dụng tài khoản 1013029**** ngân hàng Vietcombank chuyển 70.200.000 đồng đến tài khoản 19072260592**** ngân hàng Techcombank mang tên TRAN THI N do Nguyễn Văn L đang quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Bùi Quang D, xóa tài khoản Facebook, Zalo đã sử dụng.

10. Bị hại Lý Thị Huyền N:

Khoảng tháng 02-2024, Lý Thị Huyền N thỏa thuận mua thuốc chống say xe của Hàn Quốc với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo tên “Phạm Tới”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, Lý Thị Huyền N sử dụng tài khoản 3600531**** chuyển 41.040.000 đồng đến tài khoản 19072261616**** mang tên PHAM VAN T ngân hàng Techcombank do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Lý Thị Huyền N, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

11. Bị hại Nguyễn Thúy H:

Ngày 24-3-2024, Nguyễn Thúy H thỏa thuận mua thuốc Cerebrolysin với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo “Khánh N”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 25-3-2024, Nguyễn Thúy H sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035819938*** chuyển 123.360.000 đồng đến tài khoản 19072261616*** ngân hàng Techcombank mang tên PHAM VAN T do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Nguyễn Thúy H, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

12. Bị hại Nguyễn Minh B:

Ngày 02-4-2024, Nguyễn Minh B thỏa thuận mua Cerebrolysin là thuốc bổ não dạng tiêm, truyền với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo tên “Minh”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, Nguyễn Minh B sử dụng tài khoản 1231078*** ngân hàng Vietcombank chuyển 60.600.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Techcombank 19072260592*** mang tên TRAN THI N do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Nguyễn Minh B, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

13. Bị hại Trần Văn K:

Khoảng tháng 4-2024, Trần Văn K thỏa thuận mua Progesteron 200mg là thuốc nội tiết tố dùng để bổ sung, điều trị thiếu hụt progesteron ở phụ nữ với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo “Minh Thành”. Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 24-4-2024, Trần Văn K sử dụng tài khoản 01610017466***, ngân hàng Vietcombank chuyển 108.000.000 đồng đến tài khoản 19072261616*** mang tên PHAM VAN T, ngân hàng Techcombank do Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Trần Văn K, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

14. Bị hại Nguyễn Quang T:

Ngày 12-5-2024, Nguyễn Quang T thỏa thuận mua Solu medrol là thuốc kháng viêm và ức chế miễn dịch với Nguyễn Văn L qua tài khoản Zalo (Nguyễn Văn L đã xóa tài khoản). Sau khi thỏa thuận thống nhất số lượng, giá, phương thức giao dịch, địa điểm giao hàng, ngày 14-5-2024, Nguyễn Quang T sử dụng tài khoản 19033823504*** ngân hàng Techcombank chuyển 35.700.000 đồng đến tài khoản 19072260592*** ngân hàng Techcombank mang tên TRAN THI N do Nguyễn Văn L đang quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Văn L chặn liên lạc với Nguyễn Quang T, xóa tài khoản Zalo đã sử dụng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lời khai của Nguyễn Văn L phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 58/CT-VKSLS-P1 ngày 03-02-2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn L đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố là đúng người, đúng tội. Bị cáo nhất trí bồi thường thiệt hại cho các bị hại có yêu cầu bồi thường. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

Ý kiến của bị hại:

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Bị hại ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thúy H, bà Hoàng Thị Thanh H, ông Nguyễn Minh B, bà Lý Thị Huyền N, ông Nguyễn Bá D đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Bị hại ông Trần Văn K đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án: Các bị hại bà Nguyễn Thị P, bà Phùng Thị Thanh L, bà Phan Thị H, bà Trần Thị M, ông Lê Việt H, ông Bùi Quang D đề nghị xử lý bị cáo theo quy định và được trả lại số tiền bị chiếm đoạt. Bị hại ông Lê Trung H đề nghị xử lý bị cáo theo quy định và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn thay đổi một phần nội dung Cáo trạng, đề nghị áp dụng bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 12 đến 13 năm tù. Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại Nguyễn Thị P, Phùng Thị Thanh L, Nguyễn Bá D, Phan Thị H, Trần Thị M, Hoàng Thị Thanh H, Lê Việt H, Bùi Quang D, Lý Thị Huyền N, Nguyễn Thúy H, Nguyễn Minh B, Nguyễn Quang T. Xác nhận bị hại Lê Trung H không có yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 17.000.000 đồng, bị hại Trần Văn K không có yêu cầu bồi thường với số tiền 108.000.00 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 07 chiếc điện thoại đang thu giữ do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu, tiêu hủy 65 sim điện thoại và 11 vỏ nhựa đựng sim điện thoại do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ

thảm có giá ngạch theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hành vi của bị cáo không gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội đơn giản, chỉ là do bị hại nhẹ dạ cả tin, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, cần tạo điều kiện để bị cáo sớm được trở về lao động, bồi thường cho các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo 12 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa mở lần thứ hai, vắng mặt 14/14 bị hại. Các bị hại trong vụ án đều đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, có người đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với 14/14 bị hại.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại; và những người liên quan khác; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy, đủ căn cứ để xác định: Từ khoảng tháng 9-2023 đến tháng 5-2024, do cần tiền tiêu sài cá nhân, Nguyễn Văn L đã có hành vi sử dụng những số điện thoại không chính chủ lập các tài khoản Facebook, Zalo rồi tham gia vào các hội, nhóm mua bán thuốc, thực phẩm chức năng tìm người có nhu cầu mua để lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn giả là bên bán có hàng thuốc, thực phẩm chức năng. Khi người bán thông tin giao hàng, bị cáo thông tin lại cho bị hại và đề nghị bị hại kiểm tra hàng, chuyển tiền cho bị cáo. Sau khi bị hại chuyển tiền cho bị cáo, bị cáo chặn số liên lạc người bán và chặn số liên lạc bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị hại không nhận được hàng vì người giao hàng chưa nhận được tiền nên không giao hàng cho bị hại. Quá trình điều tra làm rõ Nguyễn Văn L đã lừa 14 bị hại chiếm đoạt tổng số tiền 665.971.540 đồng. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh theo quy định của pháp luật để có tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2014/HSST ngày 06/3/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 01 năm tù về tội Cướp giật tài sản, tổng hợp hình phạt là 04 năm tù (chưa được xóa án tích vì chưa chấp hành xong việc bồi thường thiệt hại).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông bà nội, ông ngoại có Huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2014/HSST ngày 06/3/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 01 năm tù về tội Cướp giật tài sản, tổng hợp hình phạt là 04 năm tù, đến nay chưa được xóa án tích nên bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

[9.1] Bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại có yêu cầu bồi thường, cụ thể: Bồi thường cho bà Nguyễn Thị P số tiền 15.150.000 đồng, bồi thường cho bà Phùng Thị Thanh L số tiền 30.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Bá D số tiền 16.450.000 đồng, bồi thường cho bà Phan Thị H số tiền 41.041.540 đồng, bồi thường cho bà Trần Thị M số tiền 33.750.000 đồng, bồi thường cho bà Hoàng Thị Thanh H số tiền 43.800.000 đồng, bồi thường cho ông Lê Việt H số tiền 29.880.000 đồng, bồi thường cho ông Bùi Quang D số tiền 70.200.000 đồng, bồi thường cho bà Lý Thị Huyền N số tiền 41.040.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thúy H số tiền 123.360.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Minh B số tiền 60.600.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Quang T số tiền 35.700.000 đồng.

[9.1] Đối với bị hại ông Lê Trung H, tại lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số tiền 17.000.000 đồng; bị hại ông Trần Văn K tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường đối với số tiền 108.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với các sim điện thoại, vỏ sim điện thoại do không còn giá trị sử dụng. Tịch thu, hóa giá, nộp Ngân sách nhà nước đối với 07 chiếc điện thoại đang thu giữ do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[11] Ngoài ra bị cáo còn khai nhận cùng thời điểm thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại nêu trên còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số người khác bằng thủ đoạn tương tự, tuy nhiên không nhớ thông tin của họ. Cơ quan điều tra đã có thông báo số 3162/TB-CQCSĐT (Đ2) ngày 03-9-2025 thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc xử lý bị can và tìm các bị hại phối hợp trình báo, cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải quyết. Tuy nhiên ngoài các bị hại trên, không có ai trình báo, cung cấp thông tin tài liệu, chứng cứ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với các số tài khoản ngân hàng Nguyễn Văn L sử dụng để nhận tiền của những bị hại, Nguyễn Văn L khai nhận đều được mở trực tuyến bằng các sim rác mua qua mạng xã hội, Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác xác minh, lấy lời khai những người đứng tên tài khoản nhưng chưa nhận được kết quả trả lời. Nguyễn Văn L thừa nhận ngoài Nguyễn Văn L không có ai tham gia vào việc phạm tội. Do đó, không có căn cứ xác định những người đứng tên tài khoản liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Do bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự.

[14] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[15] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, Điều 275, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17-01-2025.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

3.1. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị P số tiền 15.150.000 (mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3.2. Bồi thường cho bà Phùng Thị Thanh L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3.3. Bồi thường cho ông Nguyễn Bá D số tiền 16.450.000 (mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

3.4. Bồi thường cho bà Phan Thị H số tiền 41.041.540 (bốn mươi một triệu không trăm bốn mươi một nghìn năm trăm bốn mươi) đồng.

3.5. Bồi thường cho bà Trần Thị M số tiền 33.750.000 (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

3.6. Bồi thường cho bà Hoàng Thị Thanh H số tiền 43.800.000 (bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

3.7. Bồi thường cho ông Lê Việt H số tiền 29.880.000 (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng.

3.8. Bồi thường cho ông Bùi Quang D số tiền 70.200.000 (bảy mươi triệu hai trăm nghìn) đồng.

3.9. Bồi thường cho bà Lý Thị Huyền N số tiền 41.040.000 (bốn mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3.10. Bồi thường cho bà Nguyễn Thúy H số tiền 123.360.000 (một trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

3.11. Bồi thường cho ông Nguyễn Minh B số tiền 60.600.000 (sáu mươi triệu sáu trăm nghìn) đồng.

3.12. Bồi thường cho ông Nguyễn Quang T số tiền 35.700.000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.13. Các bị hại gồm ông Lê Trung H và anh Trần Văn K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 91235, 1188.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 33799, 7994.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 09039, 52502.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 33846, 5922

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 33717, 2921.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 33264, 6218.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 09009, 88088

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 03848, 61297.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 33634, 8789.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 03844, 14033.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 33800, 1754.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 09060, 45502.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 09147, 64093.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 09178, 08449.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 89840, 48000, 33823, 6659.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, trên sim có số 8984, 04800, 09397, 37567.
- 01 (một) sim điện thoại di động Vinaphone, trên sim có số 898402000, 11404618389.
- 01 (một) sim điện thoại di động 4G Mobifone, trên sim có số 8401, 2310, 5005, 7699.
- 01 (một) sim điện thoại di động Vinaphone, trên sim có số 898402000, 11486592106.
- 01 (một) sim điện thoại di động không rõ nhà mạng, trên sim có số 8984, 04800, 09034, 22628.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0362.998.971.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0399.112.731.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0394.500.218.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0355.275.508.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0374.572.910.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0328.633.526.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0352.823.034.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0337.386.131.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0386.162.147.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0389.707.105.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0367.684.798.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0344.253.402.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0374.310.046.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0338.106.878.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0378.518.593.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0339.934.034.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0363.516.732.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0377.929.463.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0359.721.462.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0397.206.342.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0378.295.943.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0342.401.855.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0352.590.940.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0355.963.634.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0333.277.970.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0374.398.073.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0379.716.154.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0387.584.842.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0368.236.081.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0348.284.419.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0354.227.198.

- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0374.905.102.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0346.170.651.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0388.943.834.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0362.568.482.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0364.846.862.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0347.126.912.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0327.253.445.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0358.373.570.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0397.851.892.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0345.152.904.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0343.011.409.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0382.493.011
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0348.625.417.
- 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G, bên ngoài có ghi số thuê bao 0355.684.918.
- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0334.887.815
- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0375.166.726
- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0398.807.812
- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0364.259.132

- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0326.452.606

- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0377.965.311

- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0347.789.741

- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0365.184.515

- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0327.238.040

- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0337.864.249

- 01 (một) Vỏ nhựa đựng sim điện thoại di động Viettel 4G (không có sim), bên ngoài vỏ có ghi số thuê bao 0329.419.740

4.2. Tịch thu, hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K màu xanh dương, đã qua sử dụng, có số imei1: 866892052685537, số imei 2: 866892052685529, lắp 01 sim điện thoại số thuê bao 0337.864.249, chưa kiểm tra tài khoản và dữ liệu trong máy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus màu xám, đã qua sử dụng, trên vỏ máy có số imei: 355737073413948, lắp 01 sim điện thoại số thuê bao 0702.413.939.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng, trên vỏ máy có số imei: 359230068928209, không lắp sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, đã qua sử dụng, trên vỏ máy có số imei: 355900062105301, không lắp sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, đã qua sử dụng, trên vỏ máy có số imei: 356995061204195, không lắp sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, đã qua sử dụng, trên vỏ máy có số imei: 359313068607849, không lắp sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng, trên vỏ máy có số imei: 354429061876119, không lắp sim điện thoại.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12-02-2026)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 25.638.862 (hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại HN;
- Viện Công tố và XXPT tại HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06, PC01, CA tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Phòng GD, KT, TT&THA, TAND tỉnh;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái

Số: 11/2026/TB-TA

Lạng Sơn, ngày 01 tháng 6 năm 2026

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2026/HS-ST ngày 18-5-2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn L có sai sót được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Nội dung tại dòng số 4 từ trên xuống trang đầu tiên của Bản án nêu trên đã ghi: “Ngày 18-4-2026”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Ngày 18-5-2026”.

2. Nội dung tại dòng số 18 từ trên xuống trang đầu tiên của Bản án nêu trên đã ghi: “Ngày 18 tháng 4 năm 2026...”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Ngày 18 tháng 5 năm 2026...”.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại HN;
- Viện Công tố và XXPT tại HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06, PC01, CA tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Phòng GD, KT, TT&THA, TAND tỉnh;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HS, HS vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lộc Sơn Thái

